

Bản án số: 61/2022/DS-PT.
Ngày: 29-9-2022.
V/v tranh chấp về thừa kế tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Phạm Quốc Bảo**.

Các Thẩm phán: Ông **Trần Thế Cẩm**;
Ông **Võ Minh Diệp**.

- Thư ký phiên tòa: Ông **Huỳnh Minh Ngôn** - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Nam: Ông **Nguyễn Quang Minh** - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 29 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 28/2022/TLPT-DS ngày 09 tháng 6 năm 2022 về “Tranh chấp về thừa kế tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 04/2022/DS-ST ngày 26 tháng 01 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 36/2022/QĐXXPT-DS ngày 09 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: ông Nguyễn Xuân L, sinh năm 1940 và bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1932.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị N: ông Nguyễn Xuân L, sinh năm 1940.

Cùng địa chỉ: thôn P, xã T, huyện N, tỉnh Quảng Nam. Ông L có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

2. Bị đơn: bà Mai Thị L1, sinh năm 1938.

Địa chỉ: thôn P, xã T, huyện N, tỉnh Quảng Nam. Có mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ủy ban nhân dân huyện N, tỉnh Quảng Nam.

Địa chỉ: thị trấn N, huyện N, tỉnh Quảng Nam.

Người đại diện theo ủy quyền: ông Nguyễn Như N, chức vụ: Phó Trưởng

phòng Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện N. Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1971;
- Ông Nguyễn Văn L2, sinh năm 1973;

Cùng địa chỉ: thôn P, xã T, huyện N, tỉnh Quảng Nam. Có mặt.

- Bà Nguyễn Thị K, sinh năm 1976;

Địa chỉ: thôn V, xã T, huyện N, tỉnh Quảng Nam. Có mặt.

4. Người kháng cáo: nguyên đơn ông Nguyễn Xuân L.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các văn bản có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn là ông Nguyễn Xuân L và cũng là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Nguyễn Thị N trình bày:

Cha, mẹ của ông là ông Nguyễn B (chết năm 1985) và bà Nguyễn Thị B (chết năm 1990), cùng địa chỉ: thôn P, xã T, huyện N, tỉnh Quảng Nam. Cha, mẹ ông có 04 người con, gồm: bà Nguyễn Thị N, ông Nguyễn P, ông Nguyễn Đức Q (đã chết, không có vợ, con) và ông Nguyễn Xuân L. Cha, mẹ ông chết để lại tài sản như đất, nhà nhưng chưa di chúc cho ai. Ông Nguyễn P tự đứng tên kê khai và được Nhà nước cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng chưa có sự đồng ý của chị em ông, tài sản này để lại thờ cúng. Năm 2012, ông Nguyễn P chết thì bà L1 (vợ ông P) không lo thờ cúng nữa mà tự ý chuyển nhượng hết cho con diện tích đất khoảng 1.700m². Do vậy, ông L, bà N khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số B 978965 do Ủy ban nhân dân (UBND) huyện N cấp ngày 06/11/1994 cho hộ ông Nguyễn P và yêu cầu phân chia di sản thừa kế theo quy định pháp luật.

Theo các văn bản có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, bị đơn là bà Mai Thị L1 và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn trình bày:

Diện tích đất hiện nay bà L1 đang sử dụng là 2.071m², diện tích đất này là của vợ chồng bà L1 được Nhà nước cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số B 978965 ngày 06/11/1994. Tài sản gồm: nhà, đất và cây trồng trên đất (30 cây cau) không phải của cha, mẹ chồng bà L1 là ông Nguyễn B, bà Nguyễn Thị B để lại, mà do vợ chồng bà L1 tạo lập nên không phải là di sản thừa kế. Do vậy, bà L1 không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông L, bà N. Bà L1 và ông P có 04 người con, gồm: Nguyễn Thị T, Nguyễn Văn L2, Nguyễn Thị K và Nguyễn Văn N (chết từ nhỏ).

Theo các văn bản có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị T, ông Nguyễn Văn L2, bà Nguyễn Thị K thống nhất như trình bày của bị đơn.

Với nội dung vụ án như trên, tại Bản án dân sự sơ thẩm số 04/2022/DS-ST ngày 26/01/2022 của Tòa án nhân dân huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam đã căn cứ vào khoản 5 Điều 26, Điều 35, Điều 39 và Điều 266 của Bộ luật Tố tụng

dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Xuân L với bị đơn bà Mai Thị L1 về việc "Tranh chấp chia di sản thừa kế".

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, nguyên đơn ông Nguyễn Xuân L kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Nam phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án dân sự ở giai đoạn phúc thẩm: Thẩm phán được phân công trực tiếp giải quyết vụ án đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật về việc thụ lý vụ án, về thời hạn giải quyết vụ án, về việc chuyển hồ sơ vụ án cho Viện kiểm sát nghiên cứu để tham gia xét xử. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật. Các đương sự đã thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật.

- Về việc giải quyết vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, hủy bản án sơ thẩm và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án, do Tòa án cấp sơ thẩm có vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn ông Nguyễn Xuân L là người kháng cáo vắng mặt, nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử phúc thẩm vẫn tiến hành phiên tòa phúc thẩm xét xử vắng mặt nguyên đơn theo quy định tại khoản 2 Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét kháng cáo của nguyên đơn ông Nguyễn Xuân L thì thấy:

[2.1] Tòa án cấp sơ thẩm thu thập chứng cứ không theo đúng quy định tại Chương VII của Bộ luật Tố tụng dân sự và việc thu thập chứng cứ chưa được thực hiện đầy đủ mà tại phiên tòa phúc thẩm không thể thực hiện bổ sung được, cụ thể như sau:

[2.1.1] Tại biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 13/5/2020 của Tòa án nhân dân huyện Núi Thành thể hiện không có sự tham gia và không có chữ ký của đại diện Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc Công an cấp xã nơi có đối tượng

cần xem xét, thẩm định là không đúng theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 101 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2.1.2] Tại hồ sơ vụ án thể hiện Sổ đăng ký ruộng đất và bản đồ đo vẽ theo Chỉ thị 299/TTg của Thủ tướng Chính phủ mà Tòa án cấp sơ thẩm sử dụng làm chứng cứ để xác định nguồn gốc đất tranh chấp là bản photo, không có công chứng, chứng thực hợp pháp hoặc do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền cung cấp, xác nhận là không đúng quy định tại khoản 1 Điều 95 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2.1.3] Ngày 18/12/2020, Tòa án nhân dân huyện Núi Thành có Công văn số 116/CV-TA đề nghị Ủy ban nhân dân huyện Núi Thành cung cấp thông tin, tài liệu, chứng cứ liên quan đến việc giải quyết vụ án. Ngày 05/5/2021, Ủy ban nhân dân huyện Núi Thành có Công văn số 510/UBND-TNMT phúc đáp Công văn nêu trên của Tòa án nhân dân huyện Núi Thành và đề nghị Tòa án nhân dân huyện Núi Thành liên hệ Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai Núi Thành đề yêu cầu cung cấp hồ sơ địa chính, hồ sơ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và yêu cầu xác định vị trí diện tích đất tranh chấp thuộc phạm vi thửa, tờ bản đồ nào, do ai đứng tên chủ sử dụng theo hồ sơ địa chính hoặc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, nguyên nhân chênh lệch về diện tích... Đồng thời, đề nghị Tòa án yêu cầu Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có đất cung cấp thông tin về nguồn gốc, thời điểm sử dụng đất. Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm chưa yêu cầu cơ quan có thẩm quyền cung cấp hồ sơ địa chính, hồ sơ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và xác định vị trí diện tích đất tranh chấp thuộc phạm vi thửa đất nào, tờ bản đồ số mấy, do ai đứng tên kê khai, đăng ký theo hồ sơ địa chính, đồng thời xác định nguyên nhân chênh lệch về diện tích thực tế sử dụng so với hồ sơ địa chính (nếu có) và xác định về nguồn gốc, thời điểm sử dụng diện tích đất tranh chấp. Tòa án cấp sơ thẩm chỉ căn cứ vào Công văn số 54/CNVPĐK ngày 15/11/2019 của Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai Núi Thành về việc cung cấp thông tin theo đơn yêu cầu của ông Nguyễn Xuân L để xác định quá trình kê khai, đăng ký theo Chỉ thị 299/TTg của Thủ tướng Chính phủ đối với thửa đất số 926, tờ bản đồ số 01 và Nghị định 64-CP của Chính phủ đối với thửa đất số 203, tờ bản đồ số 3, từ đó không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, trong khi chưa tiến hành xác minh, thu thập tài liệu, chứng cứ như đã nhận định ở trên là chưa đủ cơ sở.

[2.2] Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng như: theo Thông báo về việc thụ lý vụ án số 158/2019/TLST-DS ngày 23/12/2019 và Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2021/QĐXXST-DS ngày 19/7/2021 thì Tòa án cấp sơ thẩm không xác định bà Nguyễn Thị T, ông Nguyễn Văn L2, bà Nguyễn Thị K là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án và hồ sơ vụ án cũng không thể hiện việc Tòa án bổ sung những người này vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Đồng thời, trong phần nhận định của bản án sơ thẩm cũng không đề cập, nhận định việc bổ sung bà T, ông L2, bà K vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Tuy nhiên, trong phần mở đầu của bản án sơ thẩm lại thể hiện bà Nguyễn Thị T, ông Nguyễn Văn L2, bà Nguyễn Thị K tham gia

tổ tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là không đúng, vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng.

[2.3] Do Tòa án cấp sơ thẩm thu thập chứng cứ không theo đúng quy định tại Chương VII của Bộ luật Tố tụng dân sự và việc thu thập chứng cứ chưa được thực hiện đầy đủ mà tại phiên tòa phúc thẩm không thể thực hiện bổ sung được và có vi phạm nghiêm trọng về thủ tục tố tụng nên Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận một phần kháng cáo của nguyên đơn, hủy bản án sơ thẩm và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

[3] Án phí dân sự phúc thẩm: nguyên đơn ông Nguyễn Xuân L không phải chịu. Hoàn trả lại cho ông L số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0010974 ngày 28/02/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 308 và Điều 310 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 3 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận một phần kháng cáo của nguyên đơn ông Nguyễn Xuân L, hủy Bản án dân sự sơ thẩm số: 04/2022/DS-ST ngày 26 tháng 01 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

Án phí dân sự phúc thẩm: ông Nguyễn Xuân L không phải chịu. Hoàn trả lại cho ông L số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0010974 ngày 28/02/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (29/9/2022).

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Quảng Nam;
- TAND huyện Núi Thành;
- Chi cục THADS huyện Núi Thành;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phạm Quốc Bảo